

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN KẾ SÁCH**

**TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 30/2022/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kế Sách, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng x, Tòa nhà T, số x, đường T1, phường Tràng Tiền, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh Hậu Giang.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lê Ru L – Chuyên viên khách hàng.

Địa chỉ: số x, đường N, phường x, thành phố V, tỉnh H.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Ông Lê Hồng H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp x, xã B, huyện K, tỉnh S.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và bị đơn là ông Lê Hồng H, bà Nguyễn Thị T cùng thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vốn vay còn nợ là 119.810.330 đồng và 9.571.697 đồng tiền lãi phát sinh tính đến ngày 27/4/2022, cộng chung là **129.382.027 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn không trăm hai mươi bảy đồng).**

Thời hạn trong vòng 01 tháng, tính từ ngày 27/4/2022 đến hết ngày 27/5/2022 phải thanh toán xong **129.382.027 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu ba trăm tám mươi hai ngàn không trăm hai mươi bảy đồng).**

Địa điểm trả tiền: Trụ sở Chi cục thi hành án Dân sự huyện Kế Sách.

Nếu ngày thanh toán nợ là ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Luật lao động thì ngày thanh toán nợ sẽ là ngày làm việc tiếp theo.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/4/2022, ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần B thì lãi suất mà ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

Ngay sau khi ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có trách nhiệm giải chấp tài sản đã thế

chấp và trả lại hồ sơ thế chấp tài sản cho ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0040/2016/HĐTC/PGDTanPhuThanh ngày 05/4/2016 và Phụ lục Hợp đồng số PL01-0040/2016/HĐTC/PGDTanPhuThanh ngày 08/3/2017do Ủy ban nhân dân xã Ba Trinh chứng nhận.

**Về quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án:** Trường hợp ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần B được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0040/2016/HĐTC/PGDTanPhuThanh ngày 05/4/2016 và Phụ lục Hợp đồng số PL01-0040/2016/HĐTC/PGDTanPhuThanh ngày 08/3/2017do Ủy ban nhân dân xã Ba Trinh chứng nhận, được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Lê Hồng H, bà Nguyễn Thị T, để đảm bảo thi hành án.

**Về chi phí tố tụng:**

Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.950.000 đồng. Buộc ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T cùng chịu trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B **1.950.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).**

**Về án phí:**

Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **1.057.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi bảy ngàn đồng)** theo biên lai thu số 0003736 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Ông Lê Hồng H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **3.234.550 đồng (Ba triệu hai trăm ba bốn ngàn năm trăm năm mươi ngàn đồng.)**

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;

**THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

**Phạm Hải Duy**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).